

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 37/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/11/2023
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trọng Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Việt; ông Trịnh Xuân Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 17/11/2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 58/2023/TLST-HNGĐ ngày 25/8/2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/10/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2023/QĐST-DS ngày 30/10/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Đăng H; sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 12, xã H, huyện H, tỉnh H. Có mặt

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh T; sinh năm: 1994; địa chỉ: Thôn 12, xã H, huyện H, tỉnh H. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Lê Đăng H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đăng H và chị Nguyễn Thị Thanh T đăng ký kết hôn vào ngày 07/01/2014 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh H trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, lí do mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, chị T thường xuyên đòi vào miền nam làm ăn, sinh sống.

Trong cuộc sống hằng ngày chị T không chăm lo cho gia đình, chồng con, dẫn đến cuộc sống vợ chồng luôn xảy ra cãi vã. Đến đầu năm 2022 thì chị T tự ý đưa người con đầu của vợ chồng bỏ nhà ra đi cho đến nay. Trong khoảng thời gian ly thân nhau chị T thường xuyên gọi điện về chửi bới xúc phạm anh và gia đình anh. Nay tình trạng hôn nhân của vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh làm đơn khởi kiện, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 2 con chung tên là Lê Đăng L, sinh ngày 12/9/2016 và Lê Đăng Đ, sinh ngày 29/5/2020. Nếu Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con tên là Lê Đăng Đ vì lâu nay con sống ổn định cùng anh; nhường quyền nuôi con tên là Lê Đăng Linh cho chị T. Anh không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp: Giấy chứng nhận kết hôn; bản sao giấy chứng minh nhân dân, căn cước công dân, giấy khai sinh của con; xác nhận thông tin nơi cư trú.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị T nhưng chị T không đến Tòa án để làm việc.

Tòa án phối hợp với chính quyền địa phương đến trực tiếp tại nhà chị T để lấy lời khai, tại buổi làm việc ông Lê Đăng T và bà Bạch Thị T (Cha, mẹ chồng của chị T) cung cấp thông tin: Chị T và anh H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn từ năm 2014 tại UBND xã H, huyện H và được gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau khi cưới nhau một thời gian, gia đình ông T và bà T đã xây nhà cho anh H, chị T ra ở riêng, giữa anh H và chị T có 02 người con. Quá trình chung sống giữa anh chị nảy sinh mâu thuẫn, lí do là vì tính tình không hợp nhau, chị T không chăm lo cho gia đình. Mặc dù ông T và bà T nhiều lần hòa giải, khuyên nhủ động viên vợ chồng hòa thuận chung sống nhưng vào ngày 06/01/2022 (âm lịch) chị T mang theo cháu Lê Đăng L bỏ đi cho đến nay không về, mặc dù bà T nhiều lần gọi điện, khuyên nhủ, động viên chị T quay về để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị T không đồng ý.

Đồng thời bà T cung cấp số điện thoại của chị T thuê bao số 0375846623, Tòa án tiến hành liên hệ thì chị T cung cấp thông tin:

Chị T biết việc Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của anh Lê Đăng H nhưng vì mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể hòa giải được nên chị T đề nghị Tòa án cho phép chị vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, cũng như cho phép chị vắng mặt tại phiên Tòa vì hiện nay chị ở xa không về được. Về các yêu cầu khởi kiện của anh H, chị T có ý kiến như sau:

Về hôn nhân: Chị và anh H là vợ chồng. Quá trình chung sống giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, lí do mâu thuẫn là do anh H không có trách nhiệm với gia đình, anh H không chăm lo cho gia đình. Nay anh H xin ly hôn thì chị T đồng ý ly hôn với anh H.

Về con chung: Chị và anh H có 02 người con chung, con thứ nhất tên là Lê Đăng L, sinh ngày 12/9/2016, hiện đang sống cùng với chị T; con thứ hai tên là Lê Đăng Đ, sinh ngày 29/5/2020, hiện đang ở cùng với bố. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Đăng L và đồng ý nhường quyền trực tiếp cháu Lê Đăng Đ cho anh H. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai tài liệu chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn chị T không có mặt, anh H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó vụ án không tiến hành hòa giải được nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát, kiểm sát việc tuân theo pháp luật có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi Tòa án tiến hành thụ lý đơn, giải quyết vụ án cho đến phiên tòa hôm nay Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện các quy định của pháp luật;

- Về ý kiến giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã thu thập được, đối chiếu với các quy định của pháp luật có cơ sở đề nghị HĐXX:

+ Về quan hệ vợ chồng: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của anh Lê Đăng H, đồng ý cho anh H ly hôn với chị T.

+ Về con cái: Vợ chồng có 2 con chung tên là Lê Đăng L, sinh ngày 12/9/2016 và Lê Đăng Đ, sinh ngày 29/5/2020. Đề nghị Tòa án giao cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Lê Đăng Đ, sinh ngày 29/5/2020, cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Lê Đăng L, sinh ngày 12/9/2016, cho đến khi con đủ 18 tuổi; về cấp dưỡng nuôi con: Anh H, chị T không yêu cầu nên đề nghị Tòa án không xem xét, giải quyết.

+ Về tài sản: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị HĐXX không xem xét.

+ Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 24 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị HĐXX buộc nguyên đơn anh Lê Đăng Hùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Anh Lê Đăng H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn, quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T có địa chỉ cư trú tại thôn 12, xã H, huyện H nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và thông báo hòa giải cho các bên đương sự nhưng bị đơn chị T không có mặt tại các buổi hòa giải, anh H có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị Thanh T nhưng bị đơn đã 02 lần vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị T theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Đăng H và chị Nguyễn Thị Thanh T trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Hòa Hải, huyện Hương Khê theo Giấy đăng ký kết hôn số 02/2014 ngày 07/01/2014, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh Hùng và chị Tuyền có nảy sinh mâu thuẫn, từ đầu năm 2022 đến nay chị T cùng với cháu Lê Đăng L ở riêng và vợ chồng ly thân nhau, không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án cũng như các văn bản tố tụng cho chị T nhưng chị T không đến Tòa án để giải quyết. HĐXX thấy rằng hôn nhân giữa chị T và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của anh H, đồng ý cho anh H được ly hôn với chị T.

[3] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Đăng L, sinh ngày 12/9/2016, hiện đang do chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và Lê Đăng Đ, sinh ngày 29/5/2020, hiện đang do anh H trực tiếp nuôi dưỡng. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã về trực tiếp tại địa phương để lấy ý kiến,

nguyện vọng của cháu Lê Đăng L (Hiện cháu L đã trên 07 tuổi) nhưng do chị T cùng với cháu L không có mặt tại địa phương, không rõ địa chỉ ở đâu nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai của cháu L được.

Xét thấy, từ khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và ly thân đến nay, thì anh H là người trực tiếp cháu Đ và chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, cả hai đương sự đều có nguyện vọng, thống nhất được tiếp tục nuôi dưỡng con như hiện nay. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Đ cho anh H và cháu L cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng để cả hai cháu có điều kiện phát triển về mọi mặt, tránh xáo trộn về môi trường sống, ảnh hưởng đến tâm sinh lý của cháu, là đúng với quy định tại Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con các bên đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Anh H, chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản; có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, khoản 1, 2 Điều 81, khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, miễn, giảm, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án . Tuyên xử:

1. Về quan hệ tình cảm: Chấp nhận yêu cầu của anh Lê Đăng H được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh T.

2. Về con chung: Giao cho anh Lê Đăng H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Lê Đăng Đ, sinh ngày 29/5/2020, cho đến khi con đủ 18 tuổi; giao cho chị Nguyễn Thị Thanh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Lê Đăng L, sinh ngày 12/9/2016, cho đến khi con đủ 18 tuổi; không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh H, chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản; có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định.

3. Về án phí: Anh Lê Đăng H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn, anh H đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007946 ngày 25/8/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Đăng H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Nguyễn Thị Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã Hòa Hải;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Trọng Hùng